

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2026/KDTM-ST
Ngày: 05-3-2026
V/v Tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hoá

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Võ Thị Lê.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Sơn Tây;

Ông Tống Văn Tâm.

Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Thuý Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Trương Anh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 116/2025/TLST-KDTM ngày 28 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2025/QĐXXST-KDTM ngày 31 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2026/QĐST-KDTM ngày 21 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2026/QĐST-KDTM ngày 06 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ D; mã số doanh nghiệp: 3702835...; địa chỉ trụ sở: Số 20, Đường D, tổ 1, khu phố A, phường H, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là phường Tân Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1996; căn cước công dân số: 024196001...; địa chỉ: Tổ 1, khu phố H, phường Tân Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh và bà Phan Thị Xuân H1, sinh năm 1987; căn cước công dân số: 074187002...; địa chỉ: 3 K, khu phố H, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo uỷ quyền (Giấy uỷ quyền ngày 10/9/2025); có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH Đ; mã số doanh nghiệp: 3703054...; địa chỉ trụ sở: đường M, ấp C, xã M, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là phường Bình Cơ, Thành phố Hồ Chí Minh). Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Bà Đinh Thị Tuyết M, sinh năm 1987 - Chức danh: Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/9/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Trần Thị Thu H trình bày:

Ngày 26/3/2025, Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ D (sau đây gọi tắt là Công ty D) và Công ty TNHH Đ (sau đây gọi tắt là Công ty Đ) có ký kết Hợp đồng nguyên tắc (HĐNT số: 001-2024); theo đó Công ty D sẽ cung cấp sản phẩm là các thùng carton, tấm lót theo từng đơn đặt hàng của Công ty Đ.

Từ tháng 4/2025 đến tháng 7/2025, Công ty D đã bán cho Công ty Đ các lô hàng là các thùng carton, tấm lót với tổng giá trị là 248.878.708 đồng (hai trăm bốn mươi tám triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn bảy trăm linh tám đồng) theo 06 Hoá đơn giá trị gia tăng vào các ngày 25/4/2025, ngày 03/6/2025, ngày 26/6/2025, ngày 30/6/2025 và ngày 31/7/2025. Theo thoả thuận tại Hợp đồng nguyên tắc thì Công ty Đ phải thanh toán tiền hàng cho Công ty D sau 20 ngày kể từ ngày nhận được hoá đơn. Sau các lần xuất hoá đơn, kế toán và người đại diện theo pháp luật của Công ty D thường xuyên gọi điện, nhắn tin yêu cầu Công ty Đ thanh toán các khoản nợ theo hoá đơn đã nhận với tổng số tiền 248.878.708 đồng, nhưng phía Công ty Đ hên hết lần này đến lần khác vẫn không thanh toán. Thậm chí còn chặn mọi thông tin liên lạc nhằm trốn tránh việc trả nợ, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty D. Do đó, Công ty D buộc phải nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Công ty Đ có nghĩa thanh toán cho Công ty D các khoản tiền gồm:

1. Tiền mua hàng còn nợ là 248.878.708 đồng;
2. Tiền phạt theo thoả thuận tại Hợp đồng nguyên tắc là 0,5% trên tổng số tiền nợ 248.878.708 đồng là: $248.878.708 \text{ đồng} \times 0,5\% = 1.244.393 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng số tiền Công ty Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty D là 250.123.101 đồng (Hai trăm năm mươi triệu một trăm hai mươi ba nghìn một trăm linh một đồng).

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty Đ theo đúng quy định pháp luật nhưng đại diện Công ty Đ không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ Công văn số 4355/ĐKKD-THK1

ngày 17/11/2025 của Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH Đ, mã số doanh nghiệp 3703054..., đăng ký lần đầu ngày 21/4/20224, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 16/01/2025, xác định Công ty TNHH Đ đăng ký địa chỉ trụ sở chính tại: đường M, ấp C, xã M, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là phường Bình Cơ, Thành phố Hồ Chí Minh). Tình trạng pháp lý: Đang hoạt động; doanh nghiệp chưa đăng ký giải thể.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại Chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, ý kiến tranh luận của đương sự, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Công ty Đ khởi kiện yêu cầu Công ty Đ thanh toán tiền liên quan đến mua bán hàng hoá. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Công ty Đ có trụ sở hoạt động tại phường Bình Cơ, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình tố tụng, Tòa án thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng người đại diện hợp pháp của Công ty Đ không đến Tòa án, cũng không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Xét thấy, người đại diện hợp pháp của bị

đơn vắng mặt tất cả các lần Tòa án thông báo, triệu tập là vi phạm nghĩa vụ của đương sự, tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[1.3] Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Bị đơn Công ty Đ đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn Công ty D khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty Đ thanh toán tổng số tiền là 250.123.101 đồng; trong đó, tiền nợ gốc là 248.878.708 đồng, tiền phạt 0,5% trên tổng số tiền nợ gốc là 1.244.393 đồng. Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Đối với tiền nợ gốc: Theo chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho Tòa án xác định, giữa Công ty D (bên A - bên bán) và Công ty Đ (bên B - bên mua) có ký Hợp đồng nguyên tắc (HĐNT số: 001-2024) ngày 26/3/2025. Theo đó, bên B đồng ý mua hàng bên A với nội dung cụ thể như sau: đúng số lượng, đúng quy cách, với giá trị cụ thể sẽ được căn cứ vào từng đơn hàng xác nhận của hai bên; chủng loại, quy cách và kiểu gia công của sản phẩm đúng theo yêu cầu của đơn đặt hàng; chất lượng hàng hoá được kiểm tra ngay tại thời điểm nhận hàng; địa điểm giao hàng theo thỏa thuận của 2 bên; hình thức thanh toán, sau khi nhận được hoá đơn bên B phải chuyển khoản bên A theo đúng số tiền trên hoá đơn bên A đã xuất; tiến độ thanh toán sau 20 ngày kể từ ngày nhận được hoá đơn... Kể từ tháng 4/2025 đến tháng 7/2025, Công ty D đã tiến hành giao hàng hoá cho Công ty Đ với tổng số tiền 248.878.708 đồng; quá trình giao nhận hàng có lập biên bản giao nhận là các Phiếu xuất kho và xuất 06 hóa đơn giá trị gia tăng (VAT) gồm: hóa đơn số 43 ngày 25/4/2025 (số tiền: 76.419.300 đồng), hóa đơn số 45 ngày 25/4/2025 (số tiền: 29.432.668 đồng), hoá đơn số 56 ngày 03/6/2025 (số tiền: 22.448.963 đồng), hoá đơn số 63 ngày 26/6/2025 (số tiền: 71.558.600 đồng), hoá đơn số 67 ngày 30/6/2025 (số tiền: 22.934.099 đồng) và hóa đơn số 79 ngày 31/7/2025 (số tiền: 26.085.078 đồng). Bị đơn đã nhận hàng hoá và các hoá đơn giá trị gia tăng từ nguyên đơn. Tuy nhiên, cho đến nay bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn tiền mua hàng 248.878.708 đồng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Điều 4 của Hợp đồng nguyên tắc mà hai Công ty đã ký kết và các Điều 50, 55 Luật Thương mại. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không cung cấp chứng cứ chứng minh đã thanh toán một phần hay toàn bộ số tiền mua hàng nêu trên cho nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc 248.878.708 đồng, là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu thanh toán tiền phạt với mức 0,5% trên tổng số nợ 248.878.708 đồng là: $248.878.708 \text{ đồng} \times 0,5\% = 1.244.393 \text{ đồng}$. Hội đồng xét xử thấy:

Theo khoản 6.2 Điều 6 của Hợp đồng nguyên tắc ngày 26/3/2025, các bên thoả thuận: “... Trường hợp bên B thanh toán cho bên A chậm hơn thời gian quy định tại Điều 4 thì bên B sẽ chịu phạt 0,5% của tổng giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm...”. Tuy nhiên, cho đến nay bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn bất kỳ khoản tiền nợ gốc nào. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền phạt 0,5% trên tổng nợ gốc với số tiền 1.244.393 đồng, là có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ sự phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các điều 5, 30, 35, 39, 92, 147, 228, 266, 271, 273, 278 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các điều 24, 50, 55, 301, 306 và 319 của Luật Thương mại;
- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ D với bị đơn Công ty TNHH Đ về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá”.

Buộc Công ty TNHH Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ D tổng số tiền là 250.123.101 đồng (Hai trăm năm mươi triệu một trăm hai mươi ba nghìn một trăm linh một đồng); trong đó, nợ gốc là 248.878.708 đồng (Hai trăm bốn mươi tám triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn bảy trăm linh tám đồng); tiền phạt là 1.244.393 đồng (Một triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn ba trăm chín mươi ba đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì phải trả thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH Đ phải chịu số tiền 12.506.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm linh sáu nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ D số tiền 6.253.078 (Sáu triệu hai trăm năm mươi ba nghìn không trăm bảy mươi tám đồng) theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0029384 và số 0029387 cùng ngày 22/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 - Tp. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Lê